TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **377**/2024/DS-PT

Ngày: 30 - 12 - 2024

Tranh chấp hợp đồng giao khoán và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, kiện đòi tài sản, công nhận hợp đồng hợp tác đầu tư

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị My My, bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 302/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng giao khoán và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, kiện đòi tài sản, công nhận hợp đồng hợp tác đầu tư"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2024/QĐ-PT ngày 15/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2024/QĐ-PT ngày 13/12/2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Công ty Cổ phần C. Địa chỉ: K, Quốc lộ B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957. Địa chỉ: F T, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk *(có mặt).*

- Bị đơn: Bà Hà Thị Thúy H (Hà Thị H), sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk *(có mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông *(có mặt).*

**** Người kháng cáo:*** Bị đơn bà Hà Thị Thúy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Phạm Đình B trình bày:

**** Về yêu cầu khởi kiện:***

Vào ngày 25/8/2011, bà Hà Thị H (còn gọi là Hà Thị Thúy H) có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH một thành viên C (nay là Công ty Cổ phần C) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê vối trồng năm 1994 của Công ty có diện tích 9.865m^2.

Ngày 27/8/2011, bà Hà Thị H và Công ty ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 252/2011/HĐ-GK.

Theo hợp đồng thì bà H nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê vối trồng năm 1994 của Công ty có diện tích 9.865m^2 và diện tích bờ lô 1.432m^2, tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 09, thuộc đội 15/2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nội dung giao khoán được nêu rõ tại Điều 1 của hợp đồng đó là*: "1. Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê".* Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 51.337.034 đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 27.982.103 đồng. Thời gian giao khoán là 10 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng. Sản lượng giao khoán hằng năm bà H phải nộp về công ty theo Hợp đồng giao khoán cụ thể như sau:

- Từ niên vụ thu hoạch 2011-2012 đến niên vụ 2014-2015 nộp 2.693 kg quả tươi/niên vụ; tương ứng với 6,00 tạ nhân /ha/năm.

- Từ niên vụ thu hoạch 2015-2016 đến niên vụ 2020-2021 nộp 2.469 kg quả tươi/niên vụ; Tương ứng với 5,5 tạ nhân /ha/năm.

Từ khi nhận vườn cây đến niên vụ cà phê 2017-2018 bà H đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm đầy đủ theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, từ niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 trở đi, bà H đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong Hợp đồng. Hiện nay thời hạn giao khoán đã hết (hết từ niên vụ 2021-2022 cho đến nay), Công ty đã thông báo nhiều lần cho bà yêu cầu thanh lý chấm dứt hợp đồng hoặc gia hạn hợp đồng nhưng bà không đồng ý và chống đối không hợp tác với Công ty. Hiện bà H đang chiếm giữ trái phép vườn cây của Công ty và hưởng lợi từ vườn cây. Ngoài ra theo thông báo của Cục thuế tỉnh Đ tiền truy thu tiền thuê đất của bà H (từ năm 2006-2010 là: 576.860 đồng; 2015-2017 là 2.365.596 đồng); tiền thuê đất 06 năm (2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023) 8.487.044 đồng (năm 2018 là: 989.095 đồng, năm 2019 là: 987.827 đồng, năm 2020 là: 986.662 đồng, năm 2021 là: 986.662 đồng, năm 2022 là: 797.171 đồng, năm 2023 là: 797.171 đồng) bà H chưa nộp.

Ngày 03/8/2022 UBND huyện K đã có Quyết định thu hồi đất số 3558/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần C để thực hiện dự án đường H

đoạn tránh phía Đông thành phố B qua địa bàn xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trong đó có một phần diện tích đất mà Công ty G với bà H là 1.894,6m^2. Diện tích nhận khoán của bà H với Công ty không bị thu hồi còn lại là 7970,4m^2 (đo thực tế là 9188,6m^2). Tuy nhiên Công ty không truy thu sản lượng phải giao nộp theo hợp đồng từ năm 2011 đến nay đối với diện tích thừa do đo đạc là 1218,2m^2.

Tại thời điểm năm 2011 bà H nhận khoán thì vườn cây có các cây trồng sau: 1085 cây cà phê vối trồng năm 1994, 55 cây muồng đen trồng năm 1994. Theo hợp đồng Công ty chỉ cho phép trồng xen cây tiêu trên cây muồng đen còn các cây trồng khác Công ty không cho phép.

Đối với diện tích đất thu hồi thì số cây cà phê, cây muồng mà Công ty trồng được bồi thường gồm: 224 cây cà phê, 19 cây muồng đen. Ngoài ra còn có các cây trồng do bà H tự trồng có: 13 cây muồng đen, 01 cây lồng mức, 20 cây sầu riêng ghép, 05 cây mít ghép, 28 cây tiêu trồng trên trụ sống (muồng đen).

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vào các ngày 25 và ngày 27/4/2023 bà H đã tự ý cắt hạ số cây muồng còn lại trên lô bà đã nhận khoán của Công ty là 29 cây, có khối lượng gỗ là 18,22m^3.

Hiện nay vườn cây cà phê mà bà H nhận khoán chỉ còn 862 cây cà phê (loại C), cây muồng đen trồng năm 1994 thì không còn, hiện trên lô có 05 cây muồng được trồng khoảng cuối năm 2019 và trồng không đúng vị trí theo quy định. Đối với các cây trồng khác do bà H tự trồng không được Công ty cho phép gồm: 61 cây sầu riêng ghép, 07 cây mít ghép, 04 cây bơ ghép, 56 cây đuôi chồn. Sau khi Công ty có đơn khởi kiện bà H đến Tòa án thì bà H đã tự ý trồng thêm 520 cây gòn và 110 cây mắc ca.

Từ lúc hết hạn hợp đồng niên vụ năm 2021 đến nay thì bà H không chịu ký lại hợp đồng với Công ty, không gia hạn cũng không thanh lý hợp đồng mà chiếm dụng và hưởng lợi vườn cây của Công ty từ niên vụ 2021-2022 cho đến nay mặc dù Công ty đã mời bà đến làm việc nhiều lần.

Vì vậy Công ty đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết:

- Buộc bà Hà Thị Thúy H (Hà Thị H) phải trả cho Công ty cổ phần C 13.030kg cà phê quả tươi còn nợ của 06 niên vụ (2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Chất lượng cà phê: Tỷ lệ cà phê quả chín: ≥ 85%; Tỷ lệ cà phê quả vàng: ≤ 12%; Tỷ lệ cà phê quả xanh: ≤ 3%; Tỷ lệ tạp chất: ≤ 0,5%.

Trong đó: Niên vụ 2018-2019 là 1.633 kg; Niên vụ 2019-2020 là 2.469 kg; Niên vụ 2020-2021 là 2.469 kg; Niên vụ 2021-2022 là 2.469 kg; Niên vụ 2022-2023 là 1.995 kg; Niên vụ 2023-2024 là 1.995 kg.

- Buộc bà H phải trả cho Công ty cổ phần C tiền thuê đất về Công ty phần 49% để Công ty nộp cho Cục thuế tỉnh Đ với tổng số tiền là 8.487.044 đồng. Trong đó: Truy thu tiền thuê đất từ năm 2006-2010 là: 576.860 đồng; Truy thu tiền thuê đất từ năm 2015-2017 là: 2.365.596 đồng; Tiền thuê đất năm 2018 là:

989.095 đồng; Tiền thuê đất năm 2019 là: 987.827 đồng; Tiền thuê đất năm 2020 là: 986.662 đồng; Tiền thuê đất năm 2021 là: 986.662 đồng; Tiền thuê đất năm 2022 là: 797.171 đồng; Tiền thuê đất năm 2023 là: 797.171 đồng.

- Buộc bà H phải bồi thường thiệt hại do hành vi chặt phá, chiếm đoạt 29 cây muồng đen trồng năm 1994 có khối lượng gỗ 18,22m^3 theo kết quả định giá tài sản là 84.176.400 đồng. Buộc bà H phải bồi thường thiệt hại phần 51% trị giá của 29 cây muồng đen, tương ứng với số tiền 42.929.964 đồng. Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 41.246.436 đồng.

- Buộc bà H phải bồi thường thiệt hại phần 51% trị giá của 285 cây cà phê đã bị bà H chặt phá có tổng trị giá 40.969.500 đồng, số tiền buộc bà H bồi thường là 20.894.445 đồng. Công ty xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.643.735 đồng.

- Chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 252/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 giữa bà Hà Thị H (còn gọi là Hà Thị Thúy H) với Công ty TNHH MTV C (nay là Công ty cổ phần C).

- Buộc bà Hà Thị H phải trả lại đất, vườn cây cà phê cho Công ty. Cụ thể thửa đất số 32 (hiện nay được chia thành 02 mảnh nhỏ) có tứ cận như sau:

+ Mảnh số 1 có diện tích 0,2872ha: Phía Bắc: giáp đường lô + Thửa số 31, tờ bản đồ số 09, người nhận khoán ông Phạm Trung H2; Phía Nam giáp: Thổ cư thôn H; Phía Đông giáp: Đường tránh đông B; Phía Tây giáp: đường lô + Thửa số 28a, tờ bản đồ số 09, người nhận khoán ông Phan Thanh T1.

+ Mảnh số 2 có diện tích 0,50984ha: Phía Bắc giáp đường lô + Thửa số 31, tờ bản đồ số 09, người nhận khoán ông Phạm Trung H2; Phía Nam giáp: Thổ cư thôn H; Phía Đông giáp: Thổ cư thôn H; Phía Tây giáp: Đường tránh đông B.

- Buộc bà H phải di dời hoặc chặt bỏ toàn bộ cây trồng xen mà Công ty không cho phép bà trồng ra khỏi vườn cây và tháo dỡ, di dời vật kiến trúc trên đất ra khỏi đất trước khi trả đất, vườn cây cho Công ty. Gồm: 61 cây sầu riêng ghép (09 cây trồng năm 2018, 02 cây trồng năm 2019, 33 cây trồng năm 2020, 17 cây trồng năm 2021); 04 cây bơ ghép trồng năm 2018; 07 cây mít ghép trồng năm 2018; 520 cây gòn (choái) trồng ngày 22/5/2023; 56 cây đuôi chồn trồng năm 2018; 110 cây Mắc ca trồng ngày 4/5/2023); 01 hệ thống ống tưới ngầm; hàng rào dây kẽm gai, 31 trụ bê tông và 285 cây cà phê được bà H trồng vào ngày 22/5/2023 (do trồng không đúng quy trình tái canh và trồng sau khi hợp đồng hết thời hạn, hiện nay cây phát triển kém).

**** Đối với nội dung phản tố của bị đơn bà Hà Thị Thúy H:***

- Buộc Công ty TNHH MTV C (nay là Công ty cổ phần C) trả lại cho bà Hà Thị Thúy H sản lượng cà phê nhân xô đã thu sai từ năm 2011-2018 là 570,25kg và 40% sản lượng cà phê bà H được chia là 3.428,06kg x 40% = 1.371,22kg.

- Xem xét công nhận việc phân chia sản phẩm sau thu nhập với tỷ lệ Công ty 60% bà H 40% sản lượng cà phê sau khi trừ chi phí.

- Công nhận hiệu lực của hợp đồng hợp tác đầu tư số: 885/HĐHTĐT ngày 01/8/1996 giữa bà Hà Thị Thúy H (Hà Thị H) với Công ty TNHH MTV C.

Công ty không đồng ý với các yêu cầu phản tố trên, bởi vì:

- Công ty thu sản lượng của bà H là đúng theo Hợp đồng số 252/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 mà hai bên ký kết, quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ và Phương án khoán đưa ra. Hiện nay bà H đang thực hiện theo mức đóng sản lượng là 5,5 tạ nhân/ha.

Bà H yêu cầu chia 40% lợi nhuận là hoàn toàn không có cơ sở cũng như việc kiện đòi chênh lệch do thu sai 570,25kg là không có căn cứ.

- Hợp đồng hợp tác đầu tư đã chấm dứt theo Điều 4 Quyết định 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của UBND tỉnh Đ, bà H với Công ty đã không thực hiện việc nộp sản và các khoản khác theo hợp đồng này từ niên vụ năm 2011-2012 cho đến nay; theo Điều 424 của Bộ luật dân sự 2005 thì hợp đồng này đã hoàn thành, đã chấm dứt. Hợp đồng khoán gọn số 252/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 không phải là hợp đồng phụ như bà H nêu.

2. Theo đơn phản tố của bị đơn bà Hà Thị Thúy H và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Văn H1 trình bày:

* Về nội dung khởi kiện của Công ty cổ phần C thì bà H không đồng ý. Lý do:

- Ngày 27/8/2011 bà H ký hợp đồng khoán gọn số: 252/2011/HĐ-KG với Công ty TNHH một thành viên C. Đến năm 2019 thì xảy ra tranh chấp do Công ty không xem xét giảm sản lượng giao nộp cho hộ nhận khoán khi có rủi do (hạn hán, sâu bệnh gây mất mùa), mặc dù bà H đã nhiều lần đề nghị nhưng phía Công ty không thành lập hội đồng gồm bên A, bên B và bên trung gian là Sở N hoặc Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp T2 để đánh giá thiệt hại, vi phạm khoản 2 Điều 6 của hợp đồng, không giảm sản cho hộ nhận khoán vi phạm điểm b khoản 1 Điều 2 của hợp đồng.

Không những thế phía Công ty còn có đấu hiệu lừa dối khi soạn hợp đồng khoán gọn vườn cây, bớt xén khoản đầu tư, cụ thể tại trang 9 phương án khoán gọn phần 4.1 Chi phí sản suất năm 2010 (cơ cấu chi phí cho 1 ha cà phê năm 2010; theo hợp đồng HTĐT 51%-49% NS 28 tạ/ha) gồm 10 khoản tổng chi phí là 46.775.156 đồng, Công ty phải đầu tư 51% tương đương 23.855.330 đồng nhưng tại mục 4-2 dự kiến chi phí sản xuất tính trên 1ha cà phê tại trang 9, trang 10 phương án khoán gọn vườn cây cũng gồm 10 khoản chi phí như mục 4.1 nêu trên và thêm khoản dự kiến tiền thuê đất là 400.000 đồng tổng chi phí cho 01ha cà phê là 47.175.156 đồng, nhưng Công ty chỉ chịu đầu tư 21.399.312 đồng, Công ty đã không chịu phần đầu tư 51% của chi phí quản lý, chi phí sản xuất chung và tiền thuê đất dự kiến với số tiền 2.660.017 đồng, gây thiệt hại cho hộ nhận khoán. Hơn nữa Công ty đã không phân chia thu nhập sau khi trừ chi phí theo điểm i khoản 1 Điều 12 Nghị định 135/2005/NĐ-CP. Cụ thể là sau khi ký hợp đồng khoán gọn vườn cây bà H đã thay Công ty bỏ vốn, công sức và quản

lý vườn cây nhưng Công ty đã không phân chia thu nhập cho bà, tại trang 10 phương án khoán gọn Công ty định mức sản lượng giao nộp sau khi trừ chi phí khoán gọn là 700kg cà phê nhân/ha, đây là phần thu nhập sau khi trừ chi phí vì vậy theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 12 Nghị định 135 nêu trên thì bà H phải được hưởng một phần trong 700kg cà phê nhân này, nhưng phía Công ty không chia cho bà. Vì những lý do nêu trên nên bà H dừng đóng sản để yêu cầu Công ty giảm sản lượng và thương thảo lại các điều khoản trong hợp đồng. Sau đó Công ty khởi kiện.

- Đối với yêu cầu về việc buộc bà H phải trả cho Công ty 13.030kg cà phê quả tươi còn nợ của 06 niên vụ (từ 2018 đến 2024) là chưa đúng, gây thiệt hại cho gia đình bà H.

Hợp đồng khoán gọn vườn cây số: 252/2011/HĐ-KG giữa Công ty TNHH MTV C với bà H vi phạm điểm i khoản 1 Điều 12 Nghị định 135. Bà H hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu của Công ty vì thực tế vườn cây bà đã mua lại 49% từ năm 1996, tiền thuê đất bà phải chịu trách nhiệm đóng trên 49% diện tích đất. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty đã vi phạm hợp đồng thu thêm sản lượng và không chia sản phẩm sau thu hoạch theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 12 Nghị định số 135.

- Đối với yêu cầu về việc: Buộc bà H phải trả tiền thuê đất về Công ty phần 49% của bà để Công ty nộp cho Cục thuế tỉnh Đ với tổng tiền là 8.487.044 đồng. Bà H thấy yêu cầu này là không có cơ sở, không nêu căn cứ rõ ràng và không đúng với giá thuê đất trong hợp đồng thuê đất do Công ty Đ ký với UBND tỉnh Đ tại hợp đồng thuê đất số 64/HĐTĐ ngày 27/6/2011, phụ lục hợp đồng ngày 17/11/2011 và phụ lục hợp đồng số 118/PL-HĐTĐ ngày 21/6/2017. Do vậy bà H chưa rõ để nộp tiền thuê đất cho đúng với phần 49% mà bà đã thuê.

- Đối với yêu cầu về việc: Buộc bà H phải bồi thường thiệt hại 29 cây muồng đen do Công ty trồng năm 1994 đã bị chặt có khối lượng gỗ 18,22m^3, phần 51% tương đương số tiền là 42.929.964 đồng. Trong hợp đồng không thể hiện số cây muồng nêu trên và Công ty không chứng minh được nguồn gốc số cây muồng này do Công ty Đ1 và chăm sóc, số cây muồng trên lô cà phê đều do bà H tự trồng và chăm sóc.

Tại biên bản kiểm kê năm 2017 không thể hiện có số cây muồng đen, hơn nữa tại bảng chi tiết đền bù cho dự án đường H công ty đã được đền bù 19 cây muồng đen. Vì vậy việc Công ty yêu cầu bà H phải bồi thường giá trị của số cây muồng đen là vô lý và hoàn toàn không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu về việc: Buộc bà H phải bồi thường thiệt hại do hành vi tự ý chặt phá cây cà phê để trồng các cây trồng khác, phần 51% trị giá của 285 cây cà phê trồng năm 1994 với số tiền là 20.894.445 đồng. Bà H không đồng ý vì số cây cà phê này đã già cỗi, sâu bệnh và bị chết nên bà cải tạo và trồng mới lại số cây cà phê tương ứng với số cây cà phê đã chặt, thời gian trồng là vào giữa năm 2023.

- Đối với yêu cầu về việc: buộc bà H phải di dời (hoặc chặt bỏ) toàn bộ cây trồng xen mà Công ty không cho phép trồng ra khỏi vườn cây trước khi trả đất, vườn cây cho Công ty là không khả thi, chặt bỏ cây trồng này sẽ gây thiệt hại lớn về kinh tế cho bà H.

- Đối với yêu cầu về việc: Chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 252/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 giữa bà H với Công ty và buộc bà phải trả lại đất, vườn cây cà phê cho Công ty, do Công ty đưa ra hợp đồng khoán không đúng với phương án khoán đã trình với UBND tỉnh Đ và được phê duyệt. Nếu buộc phải chấm dứt hợp đồng khoán gọn vườn cây thì bà H chỉ chấp nhận trả lại cho Công ty phần 51% giá trị vườn cây và 51% diện tích đất nhận khoán (51% của 9.865m^2 + 1.432m^2 diện tích bờ lô) vì phần 49% giá trị vườn cây bà H đã mua lại của Công ty từ năm 1996 và cũng chịu trách nhiệm trả tiền thuê đất trên diện tích đất của 49% giá trị vườn cây này, có hợp đồng hợp tác đầu tư ký năm 1996 đang còn hiệu lực thời hạn 30 năm. Đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư nêu trên.

* Về yêu cầu phản tố đối với Công ty:

Hợp đồng khoán gọn số: 252/2011/HĐ-KG ngày 27/8/2011 giữa bà H với Công ty TNHH một thành viên C xuất phát từ hợp đồng hợp tác đầu tư và phân chia sản phẩm số: 885/HĐHTĐT ngày 01/8/1996 giữa Công ty C với hộ bà H, thời hạn 30 năm.

Hợp đồng hợp tác đầu tư này cho đến nay vẫn còn hiệu lực pháp luật vì chưa bị thanh lý và vẫn còn thời hạn. Hợp đồng khoán gọn số: 252/2011/HĐ-KG là phía Công ty khoán lại phần 51% của Công ty trong hợp đồng hợp tác đầu tư cho hộ gia đình bà theo quy định tại Nghị định 135 của Chính phủ thực hiện việc sắp xếp đổi mới các công ty nông lâm nghiệp.

Hợp đồng số: 252/2011/HĐ-GK Công ty đã gian dối thu thêm sản lượng của bà cụ thể tại mục 4.4 trang 11 của phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên có quy định rõ về định mức sản lượng giao đối với đối tượng đang hợp đồng hợp tác đầu tư 51%-49% chuyển sang khoán gọn sẽ phiên ngang sản lượng đang được tính theo hợp đồng hợp tác đầu tư (có bảng chi tiết mức cao nhất là 700kg cà phê nhân/1ha và giảm dần sau 10 năm còn 250kg cà phê nhân/1ha). Như vậy đối với hợp đồng số 252/2011/HĐ-KG thể hiện thì mức khoán được tính bắt đầu từ niên vụ 2011-2012 là 600kg cà phê nhân căn cứ vào bảng khoán tại mục 4.4 trang 11 phương án khoán nêu trên hộ gia đình bà H sẽ phải đóng sản như sau:

+ Niên vụ 2011-2012 = 600 kg cà phê nhân/1ha x 0,9865 ha = 591,9kg

+ Niên vụ 2012-2013 = 550 kg cà phê nhân/1ha x 0,9865ha = 542,57kg

+ Niên vụ 2013-2014 = 525 kg cà phê nhân/ha x 0,9865ha = 517,91kg

+ Niên vụ 2014-2015 = 500 kg cà phê nhân/ha x 0,9865ha = 493,25kg

+ Niên vụ 2015-2016 = 475 kg cà phê nhân/ha x 0,9865ha = 468,58kg

+ Niên vụ 2016-2017 = 450 kg cà phê nhân/ha x 0,9865ha = 443,92kg

+ Niên vụ 2017-2018 = 375 kg cà phê nhân/ha x 0,9865ha = 369,93kg

Tổng cộng: 3.428,06 kg cà phê nhân nhưng thực tế Công ty đã thu của bà H là 3.998,31kg cà phê nhân. Công ty đã gian dối không thực hiện đúng phương án khoán thu thêm của bà là 570,25kg cà phê nhân, giá hiện tại khoảng 60.000 đồng/1kg trị giá: 34.215.000 đồng. Ngoài ra Công ty còn phải phân chia sản phẩm sau thu nhập cho bà H theo điểm i khoản 1 Điều 12 Nghị định số 135, nên bà H đề xuất chia theo tỷ lệ Công ty hưởng 60% còn bà H được hưởng 40% tương đương: 3.428,06kg x 40% = 1.371,22kg x 60.000đ/kg = 83.273.200 đồng.

Theo mục 4.4 trang 11 phương án khoán:

+ Niên vụ 2018-2019 = 250 kg cà phê nhân/ha x 0,9865ha = 246,62 kg

+ Niên vụ 2019-2020 = 250 kg cà phê nhân/ha x 0,9865ha = 246,62 kg

+ Niên vụ 2020-2021 = 250 kg cà phê nhân/ha x 0,9865ha = 246,62 kg

+ Niên vụ 2021-2022 = 250 kg cà phê nhân/ha x 0,9865ha = 246,62 kg

+ Niên vụ 2022-2023 = 250 kg cà phê nhân/ha x 0,9865ha = 246,62 kg

Tổng cộng: 1.233 kg cà phê nhân xô, vậy mà Công ty khởi kiện đòi tới 2.425,27 kg cà phê nhân xô là không đúng theo phương án khoán mà Công ty đã đưa ra. Thu thêm của bà là 1.192,27kg gây thiệt hại cho bà. Hơn nữa bà H còn được phân chia sản phẩm sau thu nhập theo điểm i khoản 1 Điều 12 Nghị định 135, bà H đề xuất chia theo tỷ lệ Công ty hưởng 60% còn bà được hưởng 40% tương đương: 1233kg x40% = 493,2kg.

Vì vậy bà H phản tố yêu cầu:

- Buộc Công ty TNHH MTV C (Nay là Công ty cổ phần C) trả lại cho bà H sản lượng cà phê đã thu sai từ năm 2011-2018 là 570,25kg cà phê nhân xô và 40% sản lượng cà phê bà H được chia là 3.428,06kg x 40% = 1.371,22kg cà phê nhân xô.

- Xem xét công nhận việc phân chia sản phẩm sau thu nhập với tỷ lệ Công ty 60% bà H 40% sản lượng cà phê sau khi trừ chi phí.

- Công nhận hiệu lực của hợp đồng hợp tác đầu tư số: 885/HĐHTĐT ngày 01/8/1996 giữa bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) với Công ty TNHH MTV C.

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 diện tích đã bán vườn cây buộc phải thu hồi và giao về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất và xem xét cho hộ gia đình, cá nhân đang nhận khoán được tiếp tục sử dụng đất theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất. Hiện nay, Huyện ủy Krông P đã làm việc với người dân và hứa sẽ giải quyết (biên bản làm việc số: 03-BB/TCTHU ngày 01/12/2022) và UBND tỉnh Đ đã có công văn số: 8185 ngày 22/9/2023 về việc thanh tra toàn bộ tại Công ty cổ phần C. Kết quả giải quyết của Thanh tra Chính phủ và các cơ quan liên quan có thể ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà H đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để

chờ kết quả của Thanh tra Chính phủ và các cơ quan liên quan. Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì thêm.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Áp dụng các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506, 507, 508, 510, 511 của Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là các Điều 385, 386, 389, 410, 483, 484, 485, 488, 489, 490, 492, 493 của Bộ luật dân sự 2015); Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006 của Bộ N1; Luật đất đai năm 2003;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C.

- Buộc bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải trả cho Công ty cổ phần C 13.030kg cà phê quả tươi còn nợ của 06 niên vụ (2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Chất lượng cà phê: Tỷ lệ cà phê quả chín: ≥ 85%; Tỷ lệ cà phê quả vàng: ≤ 12%; Tỷ lệ cà phê quả xanh: ≤ 3%; Tỷ lệ tạp chất: ≤ 0,5%.

- Buộc bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải trả cho Công ty cổ phần C tiền thuê đất (các năm 2006-2010; 2015-2017; tiền thuê đất 06 năm từ 2018-2023) về Công ty phần 49% của bà H để Công ty nộp cho Cục thuế tỉnh Đ với tổng tiền là 8.487.044 đồng.

- Buộc bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải bồi thường cho Công ty cổ phần C phần 51% giá trị của 29 cây muồng đen trồng năm 1994 bị cắt hạ là: 42.929.964 đồng.

- Buộc bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải bồi thường thiệt hại phần 51% do hành vi bà tự ý chặt phá 285 cây cà phê trồng năm 1994 cho Công ty với số tiền là: 20.894.445 đồng.

- Chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 252/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 đã ký kết giữa Công ty TNHH MTV C (nay là Công ty cổ phần C) với bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H).

+ Bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) có nghĩa vụ trả lại cho Công ty cổ phần C diện tích đất còn lại 7970,4m^2 (diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi) và diện tích bờ lô 1.432m^2 tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 09, thuộc đội 15/2. Địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo GCNQSDĐ số K 239519, do UBND tỉnh Đ cấp cho Công ty Cổ phần C vào ngày 16/5/1997. Cụ thể thửa đất số 32 (hiện nay được chia thành 02 mảnh) có tứ cận như sau:

* Mảnh số 1 có diện tích 2872m^2: Phía Bắc: giáp đường lô + Thửa số 31, tờ bản đồ số 09, người nhận khoán ông Phạm Trung H2; Phía Nam giáp: Thổ cư thôn H; Phía Đông giáp: Đường tránh đông B; Phía Tây giáp: đường lô + Thửa số 28a, tờ bản đồ số 09, người nhận khoán ông Phan Thanh T1.

* Mảnh số 2 có diện tích 5098,4m^2: Phía Bắc giáp đường lô + Thửa số 31, tờ bản đồ số 09, người nhận khoán ông Phạm Trung H2; Phía Nam giáp: Thổ cư thôn H; Phía Đông giáp: Thổ cư thôn H; Phía Tây giáp: Đường tránh đông B.

Và tài sản trên đất bao gồm: 577 cây cà phê vối (trong đó: 549 cây trồng năm 1994, 02 cây trồng năm 2018, 10 cây trồng năm 2019, 16 cây trồng năm 2020); 05 cây muồng đen trồng năm 2019.

+ Buộc bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải tự di dời, tháo dỡ, nhổ bỏ đối với: 285 cây cà phê vối trồng năm 2023, 61 cây sầu riêng ghép, 07 cây mít ghép, 04 cây bơ ghép, 110 cây mắc ca, 56 cây đuôi chồn, 520 cây gòn, 01 hệ thống ống tưới chôn ngầm, loại ống phi 90, ống nhựa bình minh dài 180m, ống được chôn vào năm 2020; hàng rào dây kẽm gai gồm một dây dài 90m và một dây dài 162m, tổng là 252m; 31 trụ rào bê tông (kích thước của trụ là: 10cmx10cm, dài 2m) trước khi trả lại đất cho Công ty.

Buộc Công ty cổ phần C phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị vườn cây cho bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) với số tiền 64.358.168 đồng.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C đối với bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) về việc yêu cầu bà H phải bồi thường cho Công ty phần 49% trị giá của 29 cây muồng đen trồng năm 1994 và 285 cây cà phê vối trồng năm 1994 đã bị bà tự ý chặt hạ, với tổng số tiền là 49.890.171 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) đối với Công ty cổ phần C về việc:

- Buộc Công ty cổ phần C trả lại cho bà Hà Thị Thúy H sản lượng cà phê đã thu sai từ năm 2011-2018 là 570,25kg cà phê nhân xô và 40% sản lượng cà phê bà H được chia là 3.428,06kg x 40% = 1.371,22kg cà phê nhân xô;

- Xem xét công nhận việc phân chia sản phẩm sau thu nhập với tỷ lệ Công ty 60% bà H 40% sản lượng cà phê sau khi trừ chi phí;

- Công nhận hiệu lực của hợp đồng hợp tác đầu tư số: 885/HĐHTĐT ngày 01/8/1996 giữa bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) với Công ty TNHH MTV C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất trong giai đoạn thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/9/2023, bị đơn bà Hà Thị Thúy H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng huỷ Bản án sơ thẩm và trả lại đơn khởi kiện vì nguyên đơn không có quyền khởi kiện; Xem xét hợp đồng khoán gọn vườn cây số 252/2011/HĐ-KG giữa Công ty TNHH MTV C với bà H ký ngày 27/8/2011 là vô hiệu; Buộc UBND tỉnh Đ thu hồi diện tích đất trên 49% vườn cây mà bà H đã mua từ năm 1998 theo khoản 1 Điều 15 Nghị định 118/2024/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp, giao về cho địa phương để bố trí giao cho người nhận khoán.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị Thúy H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hà Thị Thúy H trong thời hạn luật định và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Hà Thị Thúy H:

Ngày 27/8/2011, bà Hà Thị H (Hà Thị Thúy H) ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số: 252/2011/HĐ-GK với Công ty TNHH MTV C (nay là Công ty cổ phần C) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê vối trồng năm 1994, diện tích 9.865m^2 và diện tích bờ lô 1.432m^2 tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 9, thuộc đội 15/2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thời hạn 10 năm.

[2.1] Thực hiện theo Nghị định số 118/2024/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp thì các công ty nông, lâm nghiệp chuyển thành công ty cổ phần. Tại Công văn số 3554/BNN-QLDN ngày 28/5/2020 của Bộ N1 hướng dẫn về thực hiện giao khoán đối với Công ty cổ phầC đã thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP thì đối với các công ty nông, lâm nghiệp có hợp đồng khoán còn thời hạn thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ: *"Trường hợp bên nhận khoán thực hiện đúng hợp đồng, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng thì được tiếp tục nhận khoán đến hết thời hạn theo hợp đồng đã ký"* (BL 10). Do đó, thời điểm Công ty TNHH MTV C chuyển đổi thành Công ty cổ phần C thì Công ty và hộ nhận khoán vẫn tiếp tục thực hiện hợp đồng khoán gọn đã ký, Công ty cổ phần C kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên giao khoán, việc chuyển đổi loại hình công ty không làm thay đổi, mất đi quyền của bên giao khoán khi bên nhận khoán vi phạm hợp đồng đã ký kết. Việc bà H cho rằng bà không ký

kết hợp đồng với Công ty cổ phần C nên Công ty cổ phần C không có quyền khởi kiện bà và đề nghị trả lại đơn khởi kiện là không có cơ sở xem xét.

[2.2] Tại Đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên (BL 97), bà H đứng tên với tư cách cá nhân, phía Công ty cổ phần C cũng khẳng định khi ký hợp đồng thì chỉ ký kết với cá nhân bà H. Tại điểm d khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng thể hiện: *"Khi nghỉ chế độ mất sức... thì thành viên có hộ khẩu chính thức trong hộ khẩu gia đình được làm thủ tục thay thế hợp đồng nhận khoán vườn cây cà phê "*, nội dung này chứng tỏ việc ký hợp đồng là ký với cá nhân bà H. Do đó, khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các thành viên trong hộ gia đình bà H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không vi phạm tố tụng.

[2.3] Mặc dù, Hợp đồng số 252/2011/HĐ-GK 27/8/2011 do Công ty soạn sẵn, nhưng khi ký hợp đồng, bà H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc và từ khi nhận khoán vườn cây đến niên vụ thu hoạch 2017-2018, bà H đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đúng nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo hợp đồng giao khoán, sau đó mới vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy, bà H cho rằng khi ký hợp đồng bà không đọc kỹ, không hiểu rõ nội dung hợp đồng và yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng khoán gọn vườn cây số 252/2011/HĐ-KG ngày 27/8/2011 ký giữa Công ty TNHH MTV C với bà H vô hiệu là không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Các điều khoản trong hợp đồng khoán có giá trị ràng buộc với các bên đương sự.

[2.4] Đối với việc bà H còn nợ Công ty sản lượng cà phê của 06 niên vụ từ năm 2018 đến năm 2024: theo điểm c khoản 2 Điều 3 Hợp đồng khoán gọn vườn cây số 252/2011/HĐ-KG ngày 27/8/2011 quy định về nghĩa vụ của người nhận khoán như sau: *"Thực hiện việc nộp sản lượng cho bên A (Công ty) theo quy định ..."* và khoản 5 Điều 6 có nội dung: *"Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên B không hoàn thành chỉ tiêu giao nộp sản phẩm cà phê theo định mức hàng năm, thì Bên A có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ và đơn phương chấm dứt hợp đồng giao khoán..."*. Bà H không thực hiện đầy đủ việc nộp sản lượng cho Công ty các niên vụ từ năm 2018 đến năm 2024 là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải trả cho Công ty 13.030kg cà phê quả tươi còn nợ của 06 niên vụ là có căn cứ và phù hợp.

[2.5] Đối với yêu cầu buộc bà H phải trả tiền thuê đất, Hội đồng xét xử thấy: Tại điểm g khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng khoán gọn, về phần nghĩa vụ của bên B có nội dung: "*Bên B* (bà H) *có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất, thuế đất nông nghiệp cho Nhà nước, theo tỷ lệ 51- 49%, phần bên B (49%) nộp vào tháng 11 trong năm thông qua bên A*". Tuy nhiên, trong thời gian từ năm 2015-2023 mặc dù đã được Công ty thông báo nhưng bà H chưa nộp tiền thuê đất cho Công ty để Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Ngoài ra, căn cứ Hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất cà phê và phân chia sản phẩm số 885/HĐHTĐT ngày 01/8/1996 thì từ năm 2006-2010

Cơ quan thuế đã miễn sai tiền thu thuế nên Cục thuế tỉnh Đ đã có Thông báo số 43/CT-THNVDT ngày 08/01/2018 về việc truy thu tiền thuê đất đã miễn sai đối tượng theo kết luận Kiểm toán Nhà nước từ năm 2006-2010 (05 năm) tiền thuê đất được tính 1.042.067 đồng/1ha. Do đó Toà án cấp sơ thẩm buộc bà H phải nộp tiền thuê đất phần 49% của bà cho Công ty để Công ty thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là **8.487.044 đồng**, trong đó: Truy thu tiền thuê đất từ năm 2006-2010 là 576.860 đồng và từ năm 2015-2017 là 2.365.596 đồng; Trả tiền thuê đất các năm: năm 2018 là 989.095 đồng, năm 2019 là 987.827 đồng, năm 2020 là 986.662 đồng, năm 2021 là 986.662 đồng, năm 2022 là 797.171 đồng và năm 2023 là 797.171 đồng là có căn cứ.

[2.6] Bà H không đồng ý việc Toà án cấp sơ thẩm buộc bà phải bồi thường cho Công ty phần 51% giá trị của 29 cây muồng đen trồng năm 1994 với số tiền 42.929.964 đồng đã bị bà chặt hạ vì cho rằng số cây muồng trên cho bà tự trồng và chăm sóc. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy trong hợp đồng khoán gọn vườn cây không ghi nhận số cây muồng có trên đất nhưng tại khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng có quy định "*Công ty thống nhất quản lý cây muồng đen hiện có trên lô cà phê nhận khoán, nếu vì lý do quá dày rợp, già cỗi phải cắt tỉa hoặc khi vườn cây thanh lý thì công ty sẽ tổ chức kiểm kê, lập thủ tục bán theo phương thức đấu thầu ...*" và tại mục 7.2.1.2 quy định *"Đối với cây muồng đen trồng trên lô cà phê từ năm 1993 trở về sau này khi cắt tỉa hoặc thanh lý thì phân chia theo tỷ lệ 51%-49%"*. Như vậy, tại thời điểm ký kết hợp đồng khoán gọn thì trên đất đã có các cây muồng đen do Công ty trồng, bà H3 cho rằng là do bà H trồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không được Công ty thừa nhận nên không có cơ sở xem xét.

Tại Bản kiểm kê vườn cây cà phê, muồng đen và cây tiêu ngày 01/01/2017 (BL 161) và Biên bản kiểm kê vườn cây ngày 07/12/2019 của Công ty cổ phần C (BL 163) thì số cây muồng có trên lô của bà H là 39 cây (gồm trong lô 10 cây và bờ lô 29 cây). Tuy nhiên, tại Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND huyện K về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần C để thực hiện dự án đường H đoạn tránh phía Đông thành phố B qua địa bàn xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì diện tích đất Công ty giao khoán cho hộ bà H bị thu hồi là 1.894m^2, trên đất có 224 cây cà phê vối trồng năm 1994 và 2021, 19 cây muồng đen trồng năm 1994 (BL 201). Như vậy trong số 39 cây muồng đen trồng trên đất bà H thì có 19 cây Công ty đã được bồi thường khi thu hồi đất, còn lại 20 cây. Hiện nay số cây muồng trồng năm 1994 không còn. Tại biên bản tự ý cắt hạ cây muồng ngày 25 và 27/4/2023 do Công ty cổ phần C và đại diện Công an xã H, huyện K lập ghi nhận bà H3 đã chặt hạ 39 cây muồng đen là không phù hợp. Trên cơ sở đó Toà án cấp sơ thẩm buộc bà H bồi thường phần 51% giá trị của 29 cây muồng đen trồng năm 1994 với số tiền 42.929.964 đồng là chưa chính xác. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà H và xem xét lại như sau: Do hiện nay số cây muồpng không còn nên không thể xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản ghi nhận do Công ty lập thì xác định 29 cây có khối

lượng 18,22cm^3, như vậy trung bình 01 cây có khối lượng 0,63cm^3, 20 cây sẽ có khối lượng 12,6cm^3 x đơn giá 4.620.000 đồng/cm^3 = 58.212.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng thì phần 51% của Công ty là 29.688.120 đồng và phần 49% của bà H là 28.523.880 đồng. Do đó, buộc bà H phải bồi thường thiệt hại phần 51% cho Công ty với số tiền 29.688.120 đồng là phù hợp, đối với phần 49% còn lại Công ty không yêu cầu bà H bồi thường nên đình chỉ xét xử.

[2.7] Bà H kháng cáo không đồng ý bồi thường thiệt hại cho Công ty phần 51% trị giá của **285 cây cà phê** trồng năm 1994 do bà tự ý chặt phá với số tiền là 20.894.445 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Tại điểm a khoản 2 Điều 3 của hợp đồng giao khoán quy định nghĩa vụ của bên nhận khoán như sau: *"Sử dụng đất nhận khoán đúng mục đích, đúng quy hoạch và chịu sự quản lý, hướng dẫn kiểm tra, giám sát của bên A về kế hoạch sản xuất, quy trình kỹ thuật, chất lượng sản phẩm trong quá trình nhận khoán"*. Và tại khoản 4 Điều 6 của hợp đồng giao khoán có nêu: *"Trong quá trình thực hiện hợp đồng trường hợp vườn cây bị hư hại do nguyên nhân khách quan như thiên tai, vườn cây già cỗi v.v... không còn khả năng sinh trưởng, phát triển đòi hỏi phải thanh lý vườn cà phê thì cả hai bên cùng mất hết số vốn góp và vốn đã đầu tư trong năm. Trường hợp vườn cây hư hại do nguyên nhân chủ quan của bên nào thì bên đó phải bồi thường thiệt hại cho bên bị hại"*.

Bà H cho rằng bà có chặt 285 cây cà phê trồng năm 1994 vì số cây này đã già cỗi, sâu bệnh và bị chết nên cần cải tạo và trồng mới lại số cây cà phê tương ứng, việc này Công ty không biết, không đồng ý. Trị giá của 285 cây cà phê được áp giá là 40.969.500 đồng. Căn cứ hợp đồng khoán gọn thì Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49% giá trị vườn cây, do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc bà H phải bồi thường thiệt hại cho Công ty phần 51% trị giá của 285 cây cà phê trồng năm 1994 mà bà tự ý chặt với số tiền **20.894.445 đồng** là phù hợp.

[2.8] Về nội dung chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 252/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 giữa bà Hà Thị Thúy H (Hà Thị H) với Công ty TNHH MTV C (nay là Công ty cổ phần C), thì thấy:

Tại điểm f khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng quy định về quyền và nghĩa vụ của bên A (Công ty) thì bên A có quyền: *"Hủy bỏ hợp đồng giao khoán, thu hồi diện tích giao khoán khi bên nhận khoán vi phạm hợp đồng..."*. Và tại khoản 5 Điều 6 của Hợp đồng quy định về điều khoản cam kết chung có nêu: *"Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên B không hoàn thành chỉ tiêu giao nộp sản phẩm cà phê theo định mức hàng năm, thì bên A có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ và đơn phương chấm dứt hợp đồng giao khoán, thu hồi vườn cây cà phê giao khoán, tiến hành giao cho người khác hợp đồng"*. Như đã nhận định ở trên, bà H đã vi phạm hợp đồng khoán gọn, đến ngày 27/8/2021 thì hợp đồng đã hết hạn nhưng bà H không đồng ý thanh lý hợp đồng, chưa ký hợp đồng mới cũng như gia hạn hợp đồng, do đó việc Công ty yêu cầu chấm dứt hợp đồng giao khoán và thu hồi vườn cây là có căn cứ.

Bà H cho rằng, Hợp đồng khoán gọn vườn cây là hợp đồng phụ của Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa bà H và Công ty TNHH MTV C được ký kết năm 1996 có thời hạn 30 năm, đến nay Hợp đồng hợp tác đầu tư vẫn còn hiệu lực. Xét thấy, năm 1996 bà H và Công ty TNHH MTV C có ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư nhưng đến năm 2011 Công ty đã lập phương án chuyển đổi khoán vườn cây cà phê từ Phương án hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất cà phê và phân chia sản phẩm sang Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên, bà H và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 252/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011. Như vậy Hợp đồng hợp tác đầu tư số 885/HĐHTĐT ngày 01/8/1996 đã hết hiệu lực kể từ ngày các bên ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây.

[2.9] Đối với việc giải quyết tài sản trên đất nhận khoán:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, trên diện tích đất bà H nhận khoán hiện nay còn 862 cây cà phê vối, trong đó: 549 cây trồng năm 1994, 02 cây trồng năm 2018, 10 cây trồng năm 2019, 16 cây trồng năm 2020, 285 cây trồng năm 2023. Toà án cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận đối với cây cà phê được trồng từ năm 2020 trở về trước có trị giá là 131.030.400 đồng để buộc Công ty trả lại cho bà H phần 49% giá trị cây, tương đương 64.204.896 đồng.

Trên đất còn có 05 cây muồng đen do bà H trồng năm 2019 trị giá 312.800 đồng phù hợp với cơ cấu cây trồng của Công ty nên buộc Công ty C1 trách nhiệm trả lại cho bà phần 49% giá trị cây, tương đương 153.272 đồng.

Đối với 285 cây cà phê vối mới trồng năm 2023 có trị giá là 11.086.500 đồng do bà H trồng sau thời điểm hợp đồng giao khoán hết hạn và không đúng quy trình kỹ thuật nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc Công ty phải hoàn trả phần 49% cho bà H mà buộc bà H phải phải tự di dời, nhổ bỏ, chặt bỏ là phù hợp.

Đối với 61 cây sầu riêng ghép, trong đó: 09 cây trồng năm 2018, 02 cây trồng năm 2019, 33 cây trồng năm 2020, 17 cây trồng năm 2021 phía Công ty cho rằng tại Thông báo số 50/TB-CT ngày 18/5/2018 của Công ty về chủ trương trồng xen cây sầu riêng trong vườn cà phê khoán gọn đã nêu rõ việc Công ty phải trình UBND tỉnh xin chủ trương cho trồng xen cây sầu riêng vào trong vườn cà phê khoán gọn, hiện nay ban Tổng giám đốc đang xây dựng để ban hành quy trình trồng xen cây sầu riêng vào trong vườn cà phê khoán gọn, như vậy thì khi UBND tỉnh đồng ý thì Công ty mới triển khai trồng, trong thời gian chờ đợi các hộ nhận khoán chưa vội trồng xen cây sầu riêng vào trong vườn cà phê, tránh trường hợp làm sai quy trình, quy định của công ty làm thiệt hại đến kinh tế của gia đình; tuy nhiên sau đó UBND tỉnh đã có văn bản trả lời việc xen canh cây sầu riêng UBND tỉnh sẽ xem xét giải quyết sau; như vậy, bà H trồng xen cây sầu riêng khi không được phép, trồng sai quy trình, quy định của Công ty.

Xét thấy, Thông báo số 50/TB-CT ngày 18/5/2018 của Công ty TNHH MTV C có các nội dung như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên đến ngày 08/6/2018, Công ty đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-HĐTV về việc thống nhất

cho triển khai trồng xen cây sầu riêng trong lô cà phê khoán gọn trong khi chưa có ý kiến đồng ý của UBND tỉnh Đ, sau khi UBND tỉnh có Công văn số 4764/UBND-NN&MT ngày 14/6/2018 chưa thống nhất chủ trương này của Công ty thì Công ty cũng không có văn bản triển khai nội dung này đến các hộ nhận khoán trong đó có bà H. Việc trồng xen cây sầu riêng trong lô cà phê phù hợp với Quyết định số 273/QĐ-TT-CCN ngày 03/7/2013 của Cục T3 thuộc Bộ N1 về việc ban hành quy trình tái canh cây cà phê, áp dụng cho vườn cà phê vối có thể trồng xen cây sầu riêng thay cây che bóng lâu dài. Do đó, đối với 61 cây sầu riêng này cần buộc Công ty có trách nhiệm trả cho bà H giá trị tương đương theo kết quả định giá là **28.368.000 đồng**.

Đối với các cây trồng còn lại (gồm 07 cây mít ghép, 04 cây bơ ghép, 110 cây mắc ca, 56 cây đuôi chồn, 520 cây gòn) và vật kiến trúc trên đất (gồm: 01 hệ thống ống tưới chôn ngầm, loại ống phi 90, ống nhựa bình minh dài 180m, ống được chôn vào năm 2020; hàng rào dây kẽm gai gồm một dây dài 90m và một dây dài 162m, tổng là 252m; 31 trụ rào bê tông (kích thước của trụ là: 10cmx10cm, dài 2m) do bà tự tạo lập trên diện tích đất nhận khoán đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng giao khoán đã ký với Công ty, một số cây trồng sau khi đã kết thúc hợp đồng nhận khoán, hiện nay Công ty không có nhu cầu sử dụng các loại cây trồng và vật kiến trúc trên, mặt khác làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng vườn cây cà phê, thay đổi cơ cấu cây trồng trong vườn cà phê. Do vậy, Tòa cán cấp sơ thẩm nhận định Công ty không phải hoàn trả giá trị mà buộc bà H phải tự di dời, tháo dỡ, nhổ bỏ đối với các cây trồng, vật kiến trúc này ra khỏi đất trước khi trả lại đất cho Công ty là phù hợp.

Như vậy, Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho bà H giá trị phần 49% cây cà phê trồng từ năm 2020 trở về trước và cây muồng trồng năm 2019, giá trị 61 cây sầu riêng, tổng cộng là **92.726.168 đồng**. Bà H có nghĩa vụ thanh toán lại cho Công ty tổng số tiền là: 8.487.044 đồng + 29.688.120 đồng + 20.894.445 đồng = **59.069.609 đồng**. Sau khi khấu trừ cho nhau thì Công ty còn phải thanh toán cho bà H số tiền 33.656.559 đồng. Ngoài ra, bà H còn phải trả cho Công ty 13.030kg cà phê quả tươi còn nợ.

[2.10] Đối với kháng cáo của bà H yêu cầu Tòa án buộc UBND tỉnh Đ thu hồi diện tích đất trên 49% vườn cây mà bà H đã mua từ năm 1996 theo khoản 1 Điều 15 Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, lâm nghiệp để giao đất về cho địa phương để bố trí giao cho người nhận khoán. Xét thấy yêu cầu này của bà H không thuộc phạm vi khởi kiện, phản tố và cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

[2.11] Đối với các yêu cầu phản tố của bà H gồm:

- Buộc Công ty trả lại cho bà H sản lượng cà phê đã thu sai từ năm 2011-2018 là 570,25kg cà phê nhân xô và 40% sản lượng cà phê bà H được chia là 3.428,06kg x 40% = 1.371,22kg cà phê nhân xô;

- Xem xét công nhận việc phân chia sản phẩm sau thu nhập với tỷ lệ Công ty 60% bà H 40% sản lượng cà phê sau khi trừ chi phí;

Theo điểm 3 Điều 1 của Hợp đồng khoán gọn, từ niên vụ 2011 – 2012 đến niên vụ 2014 – 2015 hai bên thỏa thuận sản lượng giao khoán của mỗi niên vụ bà H phải đóng cho Công ty là 2.693kg cà phê quả tươi/năm, từ niên vụ 2015 – 2016 đến niên vụ 2020 – 2024 bà H phải đóng 2.469kg cà phê quả tươi/năm. Việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên, thực tế niên vụ từ 2022 đến 2024 Công ty đã xem xét giảm sản lượng chỉ yêu cầu bà H đóng 1.995kg cà phê quả tươi/ năm là có lợi cho bà H, ngoài ra trong thời gian thực hiện hợp đồng từ niên vụ 2011 – 2012 đến niên vụ 2017 – 2018 bà H đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây và nộp sản lượng đầy đủ theo hợp đồng đã ký nên việc bà H cho rằng Công ty thu sai sản lượng là không có cơ sở.

Căn cứ hợp đồng khoán gọn thì Công ty khoán gọn vườn cây cà phê cho bà H để trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê cho Công ty. Theo phương án khoán gọn thì toàn bộ chi phí sản xuất 51% Công ty bỏ ra là 21.399.312 đồng, tương ứng 713kg cà phê nhân, phần giao nộp Công ty 51% là 1428kg cà phê nhân, từ đó tính ra định mức sản lượng giao nộp khoán gọn là 1428kg – 713kg = 715kg (quy tròn 700kg = 7 tạ nhân/ha/ năm). Đối chiếu qua hợp đồng khoán gọn của bà H thì định mức bà H phải nộp hàng năm cao nhất là 6 tạ nhân/ha/năm phù hợp với phương án khoán đưa ra. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo định mức giao khoán thì bà H được hưởng 100% giá trị vượt khoán. Do đó việc bà H yêu cầu phân chia sản phẩm sau thu nhập với tỷ lệ 40% sản lượng cà phê sau khi trừ chi phí là không có căn cứ chấp nhận.

- Về yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng hợp tác đầu tư số: 885/HĐHTĐT ngày 01/8/1996 giữa bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) với Công ty TNHH MTV C đã được nhận định tại mục [2.8] là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bà H là phù hợp.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị Thúy H, sửa một phần bản án sơ thẩm về nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất của Công ty đối với bà H.

[4] Về chi phí tố tụng: Buộc bà H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và áp giá tài sản tổng cộng là 7.500.000 đồng, trong đó bà H đã nộp tạm ứng 2.300.000 đồng, Công ty nộp 5.200.000 đồng. Vì vậy cần buộc bà H phải thanh toán lại cho Công ty số tiền 5.200.000 đồng.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên cần tính lại án phí dân sự sơ thẩm như sau:

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

- Án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng

- Án phí có giá ngạch đối với các khoản phải trả cho Công ty là 13.030kg cà phê quả tươi x 25.800 đồng/kg = 336.174.000 đồng + 59.069.609 đồng bồi thường giá trị tài sản trên đất + 117.488.200 đồng yêu cầu phản tố không được chấp nhận x 5% = 24.509.000 đồng.

Công ty cổ phần C có nghĩa vụ thanh toán cho bà H 92.726.168 đồng giá trị vườn cây cà phê, muồng và sầu riêng nên phải chịu án phí sơ thẩm = 4.636.000 đồng.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị Thúy H (Hà Thị H).

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về phần nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản và án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C.

- Buộc bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải trả cho Công ty cổ phần C 13.030kg *(Mười ba nghìn, không trăm ba mươi kilôgam)* cà phê quả tươi còn nợ của 06 niên vụ (2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Chất lượng cà phê: Tỷ lệ cà phê quả chín: ≥ 85%; Tỷ lệ cà phê quả vàng: ≤ 12%; Tỷ lệ cà phê quả xanh: ≤ 3%; Tỷ lệ tạp chất: ≤ 0,5%.

- Buộc bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải trả cho Công ty cổ phần C tiền thuê đất (các năm 2006-2010; 2015-2017; tiền thuê đất 06 năm từ 2018-2023) về Công ty phần 49% của bà H để Công ty nộp cho Cục thuế tỉnh Đ với tổng tiền là 8.487.044 đồng *(Tám triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng).*

- Buộc bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải bồi thường cho Công ty cổ phần C phần 51% giá trị của 20 cây muồng đen trồng năm 1994 bị cắt hạ là: 29.688.120 đồng *(Hai mươi chín triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn một trăm hai mươi đồng).*

- Buộc bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải bồi thường thiệt hại phần 51% do hành vi tự ý chặt phá 285 cây cà phê trồng năm 1994 cho Công ty

với số tiền là: 20.894.445 đồng *(Hai mươi triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).*

- Chấm dứt Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 252/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 đã ký kết giữa Công ty TNHH MTV C (nay là Công ty cổ phần C) với bà Hà Thị H (còn gọi là Hà Thị Thúy H).

+ Bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) có nghĩa vụ trả lại cho Công ty cổ phần C diện tích đất còn lại 7970,4m^2 (sau khi bị thu hồi) và diện tích bờ lô 1.432m^2 tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 09, thuộc đội 15/2. Địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo GCNQSDĐ số K 239519, do UBND tỉnh Đ cấp cho Công ty Cổ phần C ngày 16/5/1997. Cụ thể thửa đất số 32 (hiện nay được chia thành 02 mảnh) có tứ cận như sau:

· Mảnh số 1 có diện tích 2872m^2: Phía Bắc: giáp đường lô + Thửa số 31, tờ bản đồ số 09, người nhận khoán ông Phạm Trung H2; Phía Nam giáp: Thổ cư thôn H; Phía Đông giáp: Đường tránh đông B; Phía Tây giáp: đường lô + Thửa số 28a, tờ bản đồ số 09, người nhận khoán ông Phan Thanh T1.

· Mảnh số 2 có diện tích 5098,4m^2: Phía Bắc giáp đường lô + Thửa số 31, tờ bản đồ số 09, người nhận khoán ông Phạm Trung H2; Phía Nam giáp: Thổ cư thôn H; Phía Đông giáp: Thổ cư thôn H; Phía Tây giáp: Đường tránh đông B.

Và tài sản trên đất bao gồm: 577 cây cà phê vối (trong đó: 549 cây trồng năm 1994, 02 cây trồng năm 2018, 10 cây trồng năm 2019, 16 cây trồng năm 2020); 05 cây muồng đen trồng năm 2019; 61 cây sầu riêng ghép (trong đó: 09 cây trồng năm 2018, 02 cây trồng năm 2019, 33 cây trồng năm 2020, 17 cây trồng năm 2021).

+ Buộc bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải tự di dời, tháo dỡ, nhổ bỏ đối với: 285 cây cà phê vối trồng năm 2023, 07 cây mít ghép, 04 cây bơ ghép, 110 cây mắc ca, 56 cây đuôi chồn, 520 cây gòn, 01 hệ thống ống tưới chôn ngầm, loại ống phi 90, ống nhựa bình minh dài 180m, ống được chôn vào năm 2020; hàng rào dây kẽm gai gồm một dây dài 90m và một dây dài 162m, tổng là 252m; 31 trụ rào bê tông (kích thước của trụ là: 10cmx10cm, dài 2m) trước khi trả lại đất cho Công ty.

+ Buộc Công ty cổ phần C phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị vườn cây cho bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) với số tiền **92.726.168 đồng** *(Chín mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng).*

Sau khi khấu trừ nghĩa vụ thanh toán của các bên, bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải thanh toán cho Công ty cổ phần C **13.030kg** *(Mười ba nghìn, không trăm ba mươi kilôgram)* cà phê quả tươi. Công ty cổ phần C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) số tiền 33.656.559 *đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi chín đồng)* giá trị vườn cây trên đất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C đối với bà Hà Thị Thúy H về việc yêu cầu bà H phải bồi thường cho Công ty phần 49% trị giá của 20 cây muồng đen trồng năm 1994 và 285 cây cà phê vối trồng năm 1994 đã bị bà tự ý chặt hạ, với tổng số tiền là 48.598.935 đồng *(Bốn mươi tám triệu năm trăm chín mươi tám nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng).*

[2.3]. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) đối với Công ty cổ phần C về việc:

- Buộc Công ty cổ phần C trả lại cho bà Hà Thị Thúy H sản lượng cà phê đã thu sai từ năm 2011-2018 là 570,25kg cà phê nhân xô trị giá 34.215.000 đồng và 40% sản lượng cà phê bà H được chia là 3.428,06kg x 40% = 1.371,22kg cà phê nhân xô trị giá 83.273.000 đồng.

- Xem xét công nhận việc phân chia sản phẩm sau thu nhập với tỷ lệ Công ty 60% bà H 40% sản lượng cà phê sau khi trừ chi phí.

- Công nhận hiệu lực của hợp đồng hợp tác đầu tư số: 885/HĐHTĐT ngày 01/8/1996 giữa bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) với Công ty TNHH MTV C.

[2.4]. Về chi phí tố tụng: Bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải chịu 7.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và áp giá tài sản, được khấu trừ số tiền 2.300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng, bà H còn phải trả cho Công ty cổ phần C 5.200.000 đồng *(Năm triệu hai trăm nghìn đồng)* mà Công ty đã nộp tạm ứng.

[2.5]. ***Về án phí:***

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 24.509.000 đồng án phí có giá ngạch, được khấu trừ số tiền 3.537.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (do ông Phan Nam Q nộp thay) theo biên lai thu số 0003524 ngày 13/11/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Bà H còn phải nộp 21.272.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng).*

Công ty cổ phần C phải chịu 4.636.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tổng số tiền 5.806.000 đồng tạm ứng án phí mà Công ty đã nộp theo các biên lai thu số 0016834 ngày 24/02/2023, số 0017059 ngày 18/5/2023, số 0003531 ngày 14/11/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện K. Số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.170.000 đồng *(Một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng)* được hoàn trả cho Công ty cổ phần C.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị Thúy H (còn gọi là Hà Thị H) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được trả lại số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006022 ngày 09/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang